TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 15 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: anh Bế Văn S, sinh năm 1996;
Địa chỉ: thôn Đ, xã I, huyện P, tỉnh G.

- Bị đơn: chị Mã Thị V, sinh năm 1999;
Địa chỉ: thôn Đ, xã I, huyện P, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Bế Văn S và chị Mã Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con: anh Bế Văn S và chị Mã Thị V có hai con chung là Bế Xuân L, sinh ngày 23/01/2019 và Mã Đức T, sinh ngày 14/4/2022. Hiện nay con đang ở với anh S.

Anh S và chị V thỏa thuận giao cho anh Bế Văn S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Bế Xuân L và Mã Đức T khi con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Toà án đã giải thích cho anh S về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con nhưng anh S không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc thay đổi mức cấp dưỡng.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: anh Bế Văn S và chị Mã Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: anh Bế Văn S tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) cả phần của chị Mã Thị V nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh S đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003724 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh G. Hoàn trả lại cho anh Bế Văn S số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã I, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Mai Thị Thanh Nga